

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mai Hoa; Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2021/TLST - HNGĐ, ngày 23/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa ấn định thời gian mở lại phiên tòa số 10/QĐST – DS ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Thái Thị P, địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt tại phiên tòa)

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến B; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã K, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Thái Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị P và anh Nguyễn Tiến B kết hôn với nhau vào ngày 15/03/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị P và anh B được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, hai bên sống ly thân nhau từ tháng 9/2015. Anh B là lao động tự do tại Hàn Quốc, anh đi xuất khẩu lao động ở đây từ năm 2010, thi thoảng một vài năm anh có về thăm gia đình nhưng hiện tại chị P cũng không rõ địa chỉ của anh tại Hàn Quốc. Từ đầu năm 2018 lại nay anh B

chưa về thăm gia đình, vợ chồng sống cách xa nhau, không còn quan tâm, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống, nên tình cảm cứ thế phai nhạt dần. Hiện tại, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình hôn nhân, chị P và anh B có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/11/2013. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị P. Xử cho chị Thái Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Tiến B; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/11/2013 cho chị Thái Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh B không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 7204/QLXNC-P5, ngày 30/3/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Nguyễn Tiến B, sinh ngày 10/01/1992 số CMTND 183973797 đã xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần đây nhất ngày 20/01/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]] Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh Nguyễn Tiến B là chị Nguyễn Thị D (chị ruột), chị cho biết: Anh Nguyễn Tiến B là em ruột của chị, hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc, chị không rõ địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh B vẫn thường liên lạc về qua điện thoại nhưng quan điểm ý kiến của B về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của P như thế nào chị không rõ, chị đề nghị Tòa án trực tiếp trao đổi với B qua điện thoại. Tòa án nhân dân tỉnh đã tiến hành điện thoại thông qua ứng dụng Messger để kết nối với anh Nguyễn Tiến B có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Anh B nhận điện thoại và cho biết anh đã biết việc chị Thái Thị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh. Anh thừa nhận thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị P đã trình bày. Anh kết hôn với chị P vào ngày 15/3/2013 tại UBND xã K, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Do sống cách xa nhau, vợ chồng không thường xuyên liên lạc quan tâm, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống, nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm dần

phai nhạt. Chị P làm đơn ly hôn về tình cảm anh xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đồng ý ly hôn. Về con chung giữa anh và chị P có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/11/2013, khi ly hôn anh đồng ý để chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh đang lao động tự do tại Hàn Quốc, tính chất công việc thay đổi, không sống cố định nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án, thời gian này anh chưa thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Anh cũng nhất trí việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua chị Nguyễn Thị D. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến B theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị P và anh Nguyễn Tiến B đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 15/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K1, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn hai năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh B là lao động tự do tại Hàn Quốc, vợ chồng thường xuyên sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị P và anh B đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị P và anh B không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Thái Thị P xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến B để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa chị Thái Thị P và anh Nguyễn Tiến B có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/11/2013, cháu hiện đang sống cùng chị P và là học sinh lớp 2E Trường Tiểu học K, K1. Khi ly hôn, vợ chồng đều thống nhất giao con chung cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn phù hợp vì kể từ khi sinh ra cho đến hiện tại cháu Ngọc sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh B hiện đang xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc chưa biết thời gian nào mới trở lại Việt Nam, nên không thể trực tiếp chăm sóc cháu Ngọc. Tại đơn nguyện vọng (bl 06) cháu Ngọc cũng trình bày nguyện vọng

được sống cùng mẹ. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày của cháu cần áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Khánh N cho chị Thái Thị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh B không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thái Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Tiến B

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/11/2013 cho chị Thái Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Tiến B không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

2. Về án phí: Buộc chị Thái Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000143 ngày 22/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Ngân